

Bản án số: 57/2020/HS-ST

Ngày 11-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Trạc Văn D**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12/8/1996; Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm LC, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trạc Q, sinh năm 1971, con bà: Lâm Thị N, sinh năm 1974; chưa có vợ, con; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Bị hại:

Anh Dương Văn H, sinh năm 1982

Bà Trần Thị B, sinh năm 1957

Đều trú tại: Xóm LC, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
(có mặt tại phiên tòa)

*** Người làm chứng:**

1, Anh Trạc Q, sinh năm 1971

Trú tại: Xóm LC, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
(có mặt tại phiên tòa)

2, Cháu Dương Thành A, sinh năm 2007

Người giám hộ cho cháu A: Anh Dương Bằng Thi

Trú tại: Xóm LC, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 31/7/2020, Trạc Văn D một mình từ nhà đi bộ cầm theo 01 chiếc xà beng (một đầu dẹt, dài khoảng 75cm) đến nhà bà Trần Thị B (sinh năm 1957, trú tại xóm LC, xã VH, huyện Đ) với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, D quan sát thấy không có ai ở nhà nên đi bộ vào khu vực nhà chính. D thấy nhà bà B có 03 cửa, kiểm tra thì thấy có 02 (hai) cửa đã khóa và 01 (một) cửa bị chốt từ phía trong nên đã dùng đầu dẹt xà beng luồn vào ổ khoá rồi dùng tay phải giữ ổ khoá, tay trái dùng lực để cạy khóa cửa bên trái ngoài cùng (nhìn theo hướng từ đường vào nhà) thì khóa cửa nhà bà B bị vỡ một ít nên bật ra. D mở cửa đi vào phòng khách, rồi tiếp tục vào trong buồng thì phát hiện 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A9, vỏ màu xanh để trên ghế đôn. D cầm điện thoại lên kiểm tra thì không thấy có mật khẩu nên cho vào túi quần bên phải D đang mặc rồi tiếp tục lục ở túi áo khoác màu xám phía bên tay trái treo trên móc quần áo cạnh cửa sổ thì thấy có 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, D lấy tiền nhét vào túi quần bên phải phía trước D đang mặc. Tiếp tục lục trong túi quần bò màu đen treo trên móc quần áo, cạnh áo khoác, D thấy túi quần phía trước bên trái có một tờ tiền mệnh giá 500.000đ và một tờ tiền mệnh giá 100.000đ, D lấy tiền nhét vào túi quần bên phải phía sau D đang mặc. D quan sát thấy tiếp giáp đó có một buồng bên cạnh, ngăn cách bởi một vách tường nên D bắc ghế đôn rồi trèo sang buồng bên. Tại đây, D phát hiện tại dưới chiếu cói trải trên giường có một tờ tiền mệnh giá 100.000đ và một tờ tiền mệnh giá 200.000đ, D lấy tiền cất vào túi quần phía trước bên phải đang mặc, sau đó trèo tường sang phòng khách, đi ra ngoài theo đường D đã vào rồi đóng cửa, móc khóa lại rồi đi bộ về nhà. Trên đường đi về nhà, D đã vứt chiếc xà beng ở đồi phía sau nhà hoang gần đó. Khi về đến nhà, D bị bố đẻ là ông Trạc Q (sinh năm 1971, trú tại xóm LC, xã VH, huyện Đ) nhìn thấy D đang cầm chiếc điện thoại. Nghi ngờ D đã lấy trộm điện thoại nên đã hỏi D về nguồn gốc chiếc điện thoại. Do lo sợ bị ông Anh phát hiện trộm cắp chiếc điện thoại nên D đã thuê taxi đi xuống thành phố SC và bán chiếc điện thoại trên cho một cửa hàng điện thoại (D không xác định được tên, địa chỉ) được số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Sau đó, D đã tiêu xài cá nhân hết toàn bộ số tiền bán chiếc điện thoại và số tiền trộm cắp được.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà B đã có đơn trình báo cơ quan công an. Cơ quan Công an đã lập biên bản sự việc, thu giữ 01 chiếc khóa Việt Tiệp, màu đen đã cũ, hỏng.

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại cùng số tiền 1.600.000đ để tại túi quần bò và túi áo bị D trộm cắp là của anh Dương Văn H. Số tiền 300.000đ để ở dưới chiếc còi bị D trộm cắp là của bà B – mẹ anh H.

Tại bản Kết luận số 29/ĐGTSHTS ngày 13/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Đ xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A9, màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm 31/7/2020 là 3.600.000đ.

Trách nhiệm dân sự: Anh Dương Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.200.000đ (gồm trị giá chiếc điện thoại và số tiền bị trộm cắp). Bà Trần Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 300.000đ. Bị cáo chưa bồi thường.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) xà beng dài 75cm, đường kính 2cm, một đầu được đập dẹt; 01 chiếc khóa Việt Tiệp màu đen; 01 vỏ hộp điện thoại Oppo A9 2020. Hiện số vật chứng trên đang được bảo quản, lưu giữ tại kho của Chi Cục thi hành án dân sự chờ xử lý.

Đối với vật chứng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A9, màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng, hiện không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSĐH, ngày 07/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trạc Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác định việc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

Bị hại anh Dương Văn H và bà Trần Thị B giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản đã bị trộm cắp, đồng thời, bà B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo nhất trí bồi thường giá trị tài sản cho các bị hại. Đối với chiếc khóa Việt Tiệp của bà B, bị cáo đã cậy phá, bà B không yêu cầu được xin lại hoặc bồi thường vì chiếc khóa này đã cũ, không còn giá trị sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trạc Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) xà beng dài 75cm, đường kính 2cm, một đầu được đập dẹt; 01 chiếc khóa Việt Tiệp màu đen; 01 vỏ hộp điện thoại Oppo A9 2020.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bồi thường như sau: bị cáo bồi thường cho anh H số tiền 5.200.000đ, bồi thường cho bà B số tiền 300.000đ

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng 7 giờ ngày 31/7/2020, tại nhà của bà Trần Thị B và anh Dương Văn H (con trai bà B) ở xóm LC, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Trạc Văn D đã có hành vi trộm cắp của bà B số tiền 300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và trộm cắp của anh Dương Văn H số tiền 1.600.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A9, đã qua sử dụng, được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) rồi đem bán lấy tiền sử dụng cá nhân. Tổng trị giá tài sản bị cáo Trạc Văn D trộm cắp là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), tài sản không thu hồi được, bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trạc Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản định giá tài sản, lời khai của các bị hại, những người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét hành vi của bị cáo được thực hiện một cách lén lút với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng, nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm”

...

Do vậy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Trạc Văn D chưa có tiền án, tiền sự, nhưng ở địa phương bị cáo có biểu hiện trộm cắp vặt, gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa, bị hại là bà B xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, sống lang thang, phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Số tài sản mà bị cáo trộm cắp của anh Dương Văn H và bà Trần Thị B, bị cáo chưa bồi thường cho anh H và bà B. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Xét thấy yêu cầu của bị hại là có căn cứ chấp nhận nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Dương Văn H tổng số tiền 5.200.000đ (gồm giá trị chiếc điện thoại và số tiền bị cáo trộm cắp của anh H), bồi thường cho bà Trần Thị B số tiền 300.000đ. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với yêu cầu của các bị hại nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và các bị hại.

[4]. Về vật chứng: 01 (một) xà beng dài 75cm, đường kính 2cm, một đầu được đập dẹt là những công cụ, dụng cụ bị cáo dùng khi đi trộm cắp tài sản; 01 chiếc

khóa Việt Tiệp màu đen; 01 vỏ hộp điện thoại Oppo A9 2020 liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án

[6]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về điều luật áp dụng, hình phạt đối với bị cáo và các nội dung khác là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trạc Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Trạc Văn D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều: 585, 586, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trạc Văn D phải bồi thường cho anh Dương Văn H số tiền 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng), bồi thường cho bà Trần Thị B số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) xà beng dài 75cm, đường kính 2cm, một đầu được đập dẹt; 01 chiếc khóa Việt Tiệp màu đen; 01 vỏ hộp điện thoại Oppo A9 2020

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 10 năm 2020 giữa Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ).

4. Về Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trạc Văn D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã VH;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An

